TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 10-7-2019
"Xin ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Diễm
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Tú Anh
2. Ông Trần Quang Nghiêm

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thanh Điền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long *tham gia phiên tòa*: Ông Nguyễn Hoàng Danh – Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 10 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 61/2019/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp "Xin ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2019/QĐXX- ST, ngày 31 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Trường A, sinh năm 1986 nơi cư trú: tổ 08, Ấp Tân M, xã Tân Th, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long (có mặt)

2. *Bị đơn*: Anh Lê Văn T, sinh năm 1986 nơi cư trú: tổ 08, Ấp Tân M, xã Tân Th, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản khai đề ngày 14/3/2019 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Nguyễn Thị Trường A trình bày:

Năm 2007 chị A và anh T do quen biết nhau nên tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo phong tục ở địa phương nữ trang cưới gồm bông tai 01 chỉ vàng 24k, số nữ trang này vợ chồng đã bán tiêu xài hết trong gia đình nên

không còn. Anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Th, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long được cấp giấy chứng nhận ngày 29/10/2011.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại ấp Tân Mỹ, xã Tân Th, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long, chị A và anh T có 02 con chung tên Lê Nguyễn Anh Đ sinh ngày 26/11/2007 và Lê Thị Thanh Tr sinh ngày 13/01/2013 hiện con chung đang do chị A nuôi dưỡng, anh chị không nợ chung, không tài sản chung.

Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2016 do bất đồng quan điểm sống, anh Toàn không chí thú làm ăn, ăn chơi lêu lõng gây nợ nần, không quan tâm chăm sóc gia đình, vợ chồng hay gây gỗ với nhau. Chị A xác định không còn tình cảm với anh T, sống chung không hạnh phúc do đó chị yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Trường A yêu cầu ly hôn với anh Lê Văn T.

Về con chung: cháu Lê Nguyễn Anh Đ sinh ngày 26/11/2007 và cháu Lê Thị Thanh Tr sinh ngày 13/01/2013 chị A yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản: Không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến trình bày của bị đơn anh Lê Văn T: Từ khi thụ lý vụ án đến ngày xét xử sơ thẩm bị đơn anh T hoàn toàn không có ý kiến gì gửi cho Tòa án.

Ý kiến trình bày của cháu Lê Nguyễn Anh Đ: Tại bản khai ngày 14/3/2019 cháu Đ có ý kiến nếu cha mẹ ly hôn cháu muốn sống chung với mẹ.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Trường A vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Trường A yêu cầu ly hôn với anh Lê Văn T. Về con chung: cháu Lê Nguyễn Anh Đ sinh ngày 26/11/2007 và cháu Lê Thị Thanh Tr sinh ngày 13/01/2013 chị A yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.Về quan hệ tài sản: Không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa vị Kiểm sát viên phát biểu việc tuân theo pháp luật và ý kiến đề nghị giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, nguyên đơn đã thực hiện quyền nghĩa vụ đúng theo quy định pháp luật tố tụng. Tuy nhiên, bị đơn chưa thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định: Áp dụng Điều 28,35, 147 và Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Áp dung Điều 9, 51, 56, 58, 81,82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; áp dụng điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban

thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Trường A đối với anh Lê Văn T.

Về con chung: Giao cháu Lê Nguyễn Anh Đ sinh ngày 26/11/2007 và cháu Lê Thị Thanh Tr sinh ngày 13/01/2013 cho chị Nguyễn Thị Trường A tiếp tục nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Lê Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Về quan hệ tài sản: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị Trường A phải nộp số tiền là 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Chị Nguyễn Thị Trường A có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bình Tân giải quyết ly hôn anh Lê Văn T đăng ký nhân khẩu thường trú Tổ 08, ấp Tân M, xã Tân Th, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

[1.2] Theo đơn xác nhận nơi cư trú ngày 14 tháng 3 năm 2019 của Công an xã Tân Th, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long và biên bản lấy lời khai ngày 15/5/2019 thì anh Lê Văn T, sinh năm 1986 đăng ký thường trú tại Tổ 08, ấp Tân M, xã Tân Th, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án thì anh T đi làm ăn xa và sinh sống nơi khác không thông báo cho chị A, cũng như Tòa án nhân dân huyện Bình Tân biết về địa chỉ mới hiện nay nên được xem là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ. Chị A khởi kiện bị đơn theo địa chỉ đăng ký thường trú là đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Từ khi thụ lý vụ án Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng như thông báo thụ lý vụ án, được triệu tập hợp lệ dự phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải vào các ngày 22/4/2019 và ngày 10/5/2019, triệu tập tham dự phiên tòa vào các ngày 20/6/2019 và ngày 10/7/2019 cho anh T đúng theo quy định của pháp luật nhưng anh T hoàn toàn không có ý kiến gì gửi cho Tòa án, cũng như tại phiên

tòa hôm nay vắng mặt anh Toàn. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Lê Văn T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Trường A và anh Lê Văn T có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Th, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 29/10/2011 đúng theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận. Xét yêu cầu của chị Nguyễn Thị Trường A xin ly hôn anh Lê Văn T hoàn toàn có cơ sở. Bởi vì, về mâu thuẫn vợ chồng giữa chị A và anh T trầm trọng là đúng, chị A xác định không còn tình cảm với anh T nên không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Trường A được ly hôn với anh Lê Văn T.

[2.2] Về con chung: Xét yêu cầu của chị A được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Lê Nguyễn Anh Đ sinh ngày 26/11/2007 và cháu Lê Thị Thanh Tr sinh ngày 13/01/2013. Từ khi chị A và anh T sống ly thân đến nay, chị A nuôi dưỡng cháu Đ và cháu Tr cũng đảm bảo tốt mọi mặt đời sống cho các cháu, cho nên để đảm bảo cho các cháu ổn định đời sống sinh hoạt, cũng như điều kiện cho sự phát triển thể chất, tinh thần. Hội đồng xét xử xét thấy giao Cháu Đ và cháu Tr cho chị A tiếp tục nuôi dưỡng là hoàn toàn có cơ sở và phù hợp với nguyện vọng của cháu Đ mong muốn được tiếp tục sống chung với mẹ. Anh T không trực tiếp nuôi con chung nhưng có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, chị A không được ngăn cản. Về cấp dưỡng nuôi con chị A không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.3] Về quan hệ tài sản: Chị Nguyễn Thị Trường A không tranh chấp không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Chị Nguyễn Thị Trường A phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 9, 56 và Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Trường A đối với anh Lê Văn T. Cho chị Nguyễn Thị Trường A ly hôn với anh Lê Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Nguyễn Anh Đ sinh ngày 26/11/2007 và cháu Lê Thị Thanh Tr sinh ngày 13/01/2013 cho chị Nguyễn Thị Trường A tiếp tục nuôi dưỡng, anh Lê Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con. Quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ sau khi ly hôn đối với việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung được thực hiện theo Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về quan hệ tài sản: Chị Nguyễn Thị Trường A không tranh chấp không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc Nguyễn Thị Trường A phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm. Khấu trừ số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo lai thu số 0015378 ngày 22 tháng 3 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân. Vậy chị Nguyễn Thị Trường A đã nộp đủ không phải nộp thêm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Án xử công khai nguyên đơn có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn anh Lê Văn T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- TAND. Tỉnh Vĩnh Long 01;
- VKSND.H Bình Tân 01;
- Chi cục THADS.H Bình Tân 01;
- UBND xã Tân Thành 01;
- Các đương sự 02;
- Lưu hồ sơ 01.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Thị Hồng Diễm